

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
TP. CẦN THƠ**

* * *

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT – THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Hiếu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Gốc**

2. Bà **Thái Ánh Trinh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đinh Tuấn Anh** – là Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

Đ Đại diện Viên kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Xa** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Mai Thị Thanh T** - sinh năm: 1994 (*có đơn xin vắng mặt*)

Địa chỉ: tổ 20, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S** – sinh năm: 1983 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: khu vực D, phường E, quận F, Tp. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Mai Thị Thanh T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Trước đây bà T và ông S do tự quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang ngày 17/12/2014. Vợ chồng chung sống đến tháng 4/2017 thì ly thân cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không phù hợp, bất đồng ý kiến, ông S thường xuyên ăn nhậu, không chăm lo cho gia đình. Trong thời

gian ly thân, ông S không có tới lui thăm con, không có ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, nay xét thấy không thể tiếp tục chung sống nên bà T xin được ly hôn với ông S.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Thành H – sinh ngày 05/8/2014, do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn S: Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng không có mặt, qua xác minh thực tế tại địa phương và biên bản ghi lời khai của bà Võ Thị B (mẹ ruột ông S) cho biết: Ông S đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2018 đến nay chưa trở về, thỉnh thoảng ông S có gọi điện thoại về nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể đang ở đâu nên bà B không thể cung cấp cho Tòa án được. Ông S cũng có biết về việc bà T xin ly hôn, theo bà B thì ông S cũng muốn ly hôn với bà T để chấm dứt quan hệ hôn nhân bởi vì bà T đã có quan hệ tình cảm và chung sống với người đàn ông khác.

Về con chung: Ông S và bà T chung sống có 01 con chung tên là Nguyễn Thành H – sinh ngày 05/8/2014, do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Do ông S vắng mặt trong các lần hòa giải nên Tòa án không thể hòa giải được, đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên toà hôm nay: Nguyên đơn bà T có đơn xin xét xử vắng mặt do đang đi làm ở xa và bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên không đến dự phiên tòa được. Bị đơn ông S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà Mai Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thành H cho bà T được quyền nuôi dưỡng, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về việc “*Ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét việc bị đơn ông Nguyễn Văn S đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2018 đến nay, theo hướng dẫn tại Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, trường hợp này nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn, ông S thay đổi nơi cư trú mà không có thông báo cho bà T và chính quyền địa phương biết về nơi cư trú mới cho nên Tòa án vẫn tiếp tục thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, do ông S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, đối với bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông S do tự quen biết và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, theo bà T cho rằng do tính tình vợ chồng không phù hợp, bất đồng quan điểm, ông S thường xuyên ăn nhậu, không biết chăm lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng ly thân từ tháng 4/2017 cho đến nay. Theo bà Võ Thị Bé (mẹ ruột ông S) cho rằng bà T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian ly thân từ năm 2017 đến nay giữa bà T và ông S không tìm được biện pháp hàn gắn tình cảm, mỗi người sống một nơi, cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho bà T được ly hôn với ông S là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà T xác định có 01 con chung tên Nguyễn Thành H – sinh ngày 05/8/2014, do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng ổn định. Khi ly hôn, Hội đồng xét xử nghĩ nên tiếp tục giao con cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, nếu sau này ông S có tranh chấp về con chung hoặc yêu cầu thay đổi người nuôi con sau ly hôn sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác. Về việc cấp dưỡng nuôi con, bà T xác định có đủ khả năng và điều kiện nuôi con nên không yêu cầu ông S cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Theo bà T xác định không có nhưng do Tòa án không trực tiếp ghi nhận được ý kiến của ông S về vấn đề này cho nên nếu sau này ông S có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác khi có yêu cầu.

[6] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH**Căn cứ vào:**

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014;
- Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu cho bà Mai Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành H – sinh ngày 05/8/2014, do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, tiếp tục giao cháu H cho bà T được quyền nuôi dưỡng, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông S, không ai có quyền cản trở. Bà T và ông S có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con vì lợi ích của con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Mai Thị Thanh T phải nộp số tiền 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/012444 ngày 09/10/2020 (công nhận đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã B, huyện C;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN TRUNG HIẾU